

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông.
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 376/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Trương Hữu T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Anh T và chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 16/11/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và chồng là anh Trương Hữu T đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/12/2022. Chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Hiện tại chị không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này do đã hết tình cảm với anh T. Do đó chị yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Giữa chị và anh T có 01 con chung là Trương Ngọc N, sinh ngày 21/7/2023 hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Theo bản khai, biên bản hòa giải ngày 16/11/2023 bị đơn anh Trương Hữu T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của vợ anh về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu. Lúc sau xảy ra mâu thuẫn lý do vợ anh thường xuyên gây gỗ vô cớ rồi bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 3/2023 đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh không có lỗi, anh vẫn chăm lo cho vợ, con bình thường. Khoảng hơn 02 tháng nay, vợ anh mắng chửi anh, do đó anh yêu cầu vợ anh xin lỗi anh rồi anh mới qua nhà mẹ vợ để thăm con.

Về con chung: Giữa anh và chị N có 01 con chung là Trương Ngọc N, sinh ngày 21/7/2023 hiện do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N. Chị N được ly hôn với anh Trương Hữu T. Giao con chung là Trương Ngọc N, sinh ngày 21/7/2023 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến lúc đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Trương Hữu T có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị N và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/12/2022. Chị N cho rằng cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc thời gian đầu. Đến tháng 3/2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đối với anh T thì cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu. Lúc sau xảy ra mâu thuẫn do chị N thường xuyên gây gỗ vô cớ rồi bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 3/2023 đến nay. Anh không đồng ý ly hôn vì anh không có lỗi, anh vẫn chăm lo cho vợ con bình thường. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị N đều thừa nhận giữa vợ chồng đã có xảy ra mâu thuẫn, hiện tại anh chị đã ly thân và trong khoảng thời gian ly thân này anh chị vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, theo tài liệu Tòa án xác minh thu thập thể hiện: Lúc chị N có thai nên đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và sinh con, thời gian này anh T không đến thăm nom vợ, con. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa chị Nga và anh Tín có 01 con là Trương Ngọc N, sinh ngày 21/7/2023, hiện đang sống với chị N. Chị Nga yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Anh T cũng đồng ý để chị Nga tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, anh không cấp dưỡng. Xét thấy, hiện tại cháu N dưới 36 tháng tuổi, đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy, để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của con nên cần giao cháu N cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Xét thấy, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị N nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trương Hữu T.

Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc N, sinh ngày 21/7/2023 cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0001677 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã B,
huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Gấm

